

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC

Bản án số: 44 /2024/HS-ST
Ngày 17 - 5 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Nhung và Nguyễn Thị Kim Luyến;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26 /2024/TLST - HS ngày 20 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đặng Thị L, sinh ngày 12/02/1991; giới tính: Nữ; nơi ĐKKTT: xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi ở hiện nay: Tổ 5, phường X, thành phố Phúc Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đặng Quang T (đã chết) và con bà Bùi Thị C, có chồng và 02 con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, có mặt.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1985;

Địa chỉ: phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

2. Chị Đặng Thị Thu G, sinh năm 1990;

Địa chỉ: phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

3. Anh Đinh Chí H, sinh năm 1989;

Địa chỉ: phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

4. Anh Mai Công T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Xã A, huyện T, tỉnh Thái Bình;

Hiện công tác tại lữ đoàn 113; địa chỉ: Phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc;

Tất cả có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ ngày 30/10/2023, Cơ quan điều tra nhận được tin báo của quần chúng nhân dân với nội dung Đặng Thị L, hiện nay đang cư trú tại phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc có số điện thoại 0983.347.038, ngoài việc môi giới bất động sản còn có hành vi cho vay lãi nặng.

Tại Cơ quan điều tra, Đặng Thị L khai nhận có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cho một số người vay tiền với lãi suất từ 3.000đồng/ 1 triệu/ 1 ngày đến 5000đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Kết quả điều tra xác định được Đặng Thị L đã cho vay lãi nặng như sau:

1. Đặng Thị L cho chị Trần Thị Thu H vay nặng lãi như sau:

Lần 1. Ngày 19/5/2023, chị Trần Thị Thu H vay của Đặng Thị L 20.000.000đ, lãi suất là 4.000đồng /01 triệu/ 1 ngày là 146%/ năm. Chị H đã trả tiền lãi cho L 01 tháng là 30 ngày (trả lãi đến ngày 19/6/2023); lãi là 2.400.000đ;

Số tiền lãi được thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là: $20.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 328.767đ$. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là: $2.400.000đ - 328.767đ = 2.071.233đ$, chưa trả tiền gốc vay;

Lần 2. Ngày 19/6/2023, L tiếp tục cho chị H vay 10.000.000đ, cộng với tiền vay trước đó cho vay tiếp là 20.000.000đ, tổng tiền gốc vay là 30.000.000đ, lãi suất như trên, đã trả lãi 01 tháng (30 ngày) = 3.600.000đ (trả lãi đến ngày 19/7/2023)

Số tiền lãi được thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là: $30.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 493.151đ$. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là: $3.600.000đ - 493.151đ = 3.106.849đ$, chưa trả tiền gốc.

Lần 3. Ngày 20/7/2023, L tiếp tục cho chị H vay 30.000.000đ, cộng số tiền gốc nêu trên chưa trả là 30.000.000đ, tổng là 60.000.000đ, lãi suất trả 6.900.000đồng/ 1 tháng (tương đương 3.833đ/ 1 triệu/ 1 ngày = 138,7%). H đã trả tiền lãi được 03 tháng là 90 ngày (đến ngày 20/10/2023) là 20.700.000đ. Số tiền lãi được thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là: $60.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 90 \text{ ngày} = 2.958.904đ$. Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là $20.700.000đ - 2.958.904đ = 17.741.096đ$.

Số tiền lãi H chưa trả L nhưng phải tính (theo quy định của Nghị quyết 01 ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Tối Cao), từ ngày 21/10/2023 đến 31/10/2023 (Ngày bị Cơ quan điều tra phát hiện ngăn chặn tội phạm) là $10 \text{ ngày} \times 229.980 \text{ đồng/ngày} = 2.299.800 \text{ đồng}$;

Số tiền lãi được thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là: $60.000.000 \text{ đ} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 10 \text{ ngày} = 328.767 \text{ đồng}$; Số tiền lãi thu vượt là $2.299.800 \text{ đ} - 328.767 \text{ đ} = 1.971.033 \text{ đ}$; chưa trả tiền gốc là $60.000.000 \text{ đ}$.

Lần 4. Ngày 15/8/2023, L tiếp tục cho chị H vay $20.000.000 \text{ đ}$, lãi suất $4.000 \text{ đ}/1 \text{ triệu}/1 \text{ ngày} = 146\%$; H đã trả lãi 02 tháng là 60 ngày = $4.800.000 \text{ đ}$ (tính đến ngày 15/10/2023).

Số tiền lãi được thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là: $20.000.000 \text{ đ} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 60 \text{ ngày} = 657.534 \text{ đ}$; Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là: $4.800.000 \text{ đ} - 657.534 \text{ đ} = 4.142.466 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi H chưa trả L nhưng phải tính (Theo Nghị quyết số 01 ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Tối Cao) từ 16/10/2023 đến 31/10/2023 (Ngày bị Cơ quan điều tra phát hiện ngăn chặn tội phạm) là 15 ngày = $1.200.000 \text{ đ}$. Số tiền lãi được thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là: $20.000.000 \text{ đ} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 15 \text{ ngày} = 164.384 \text{ đồng}$; Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là: $1.200.000 \text{ đ} - 164.384 \text{ đ} = 1.035.616 \text{ đ}$; H chưa trả tiền gốc là $20.000.000 \text{ đ}$.

Lần 5. Ngày 15/8/2023, L tiếp tục cho chị H vay $10.000.000 \text{ đ}$, lãi suất $3.333 \text{ đồng}/1 \text{ triệu}/1 \text{ ngày} = 121,6\%/1 \text{ năm}$. Đặng Thị L đưa cho H $8.000.000 \text{ đ}$, cắt lãi 02 tháng (đến ngày 15/10/2023) là 60 ngày = $2.000.000 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi được thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là: $10.000.000 \text{ đ} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 60 \text{ ngày} = 328.767 \text{ đồng}$; Số tiền lãi thu vượt quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là: $2.000.000 \text{ đồng} - 328.767 \text{ đ} = 1.671.233 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi chị H phải trả L, nhưng chưa trả (Theo Nghị quyết số: 01 ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Tối Cao), từ ngày 16/10/2023 đến ngày 31/10/2023 (Ngày bị Cơ quan điều tra phát hiện ngăn chặn tội phạm) là 15 ngày = 499.950 đồng . Số tiền lãi được thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là: $10.000.000 \text{ đ} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 15 \text{ ngày} = 82.192 \text{ đồng}$. Số tiền lãi thu vượt quy định là $499.950 \text{ đ} - 82.192 \text{ đ} = 417.758 \text{ đ}$, chưa trả tiền gốc $10.000.000 \text{ đ}$.

Như vậy: Tổng số tiền gốc H vay của L là $90.000.000 \text{ đ}$; tổng số tiền lãi phải trả $37.299.950 \text{ đồng}$ (Trong đó đã trả là $33.500.000 \text{ đồng}$ và chưa trả là $3.999.750 \text{ đồng}$); tiền lãi được thu tối đa là $5.342.466$, (Trong đó đã thu $4.767.123 \text{ đồng}$ và chưa thu là 575.343 đồng). Tiền lãi thu lợi bất chính tổng là $32.157.248$ (Trong đó đã thu là $28.732.877$ và chưa thu là $3.424.407 \text{ đồng}$).

Truy thu đối với H tiền gốc vay là 90.000.000đ và tiền lãi được thu tối đa phải trả 575.343đ. Truy thu đối với L tiền lãi được thu tối đa là 4.767.123đ; trả lại cho H tiền lãi thu lợi bất chính L đã nhận là 28.732.877đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy bảy đồng)

2. Đặng Thị L cho anh Mai Công T vay lãi nặng như sau:

Lần 1: Ngày 19/8/2023, L cho anh Mai Công T vay 15.000.000đ, lãi suất là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày = 182,5% /1 năm; anh T để lại 01 Căn cước công dân và 01 giấy chứng minh quân nhân, có viết giấy vay tiền.

Ngày 31/8/2023 anh T trả L 15.900.000đ, trong đó trả gốc 15.000.000đ, lãi của 12 ngày là 900.000đ.

Số tiền lãi được thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là: $15.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 12 \text{ ngày} = 98.630\text{đồng}$. Số tiền lãi thu vượt quy định = $900.000 \text{ đ} - 98.630 \text{ đ} = 801.370\text{đ}$. Đã trả tiền gốc vay 15.000.000đồng.

Lần 2: Ngày 03/9/2023, L cho anh T vay 20.000.000đ, lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày = 182,5%/1 năm, anh T để lại 01 Căn cước công dân và 01 giấy chứng minh quân nhân, khi vay có viết giấy vay tiền.

Ngày 25/9/2023 anh T trả tiền lãi của 23 ngày là 2.300.000đ và trả tiền gốc là 20.000.000đ, L đã trả lại giấy tờ cho anh T.

Số tiền lãi được thu tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là $20.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 23 \text{ ngày} = 252.055\text{đ}$. Số tiền lãi thu vượt quy định là $2.300.000 \text{ đ} - 252.055 \text{ đ} = 2.047.945\text{đ}$.

Tổng số tiền gốc T vay là 35.000.000đ, đã trả. Tổng số tiền lãi đã trả: $900.000\text{đồng} + 2.300.000\text{đồng} = 3.200.000\text{đ}$; tiền lãi được thu tối đa $98.630\text{đồng} + 252.055\text{đ} = 350.685\text{đ}$; tiền lãi thu lợi bất chính $801.370 + 2.047.945\text{đ} = 2.849.315\text{đ}$.

Truy thu của L tiền gốc vay 35.000.000đ, tiền lãi được thu tối đa là 350.685đ; trả lại cho anh T tiền lãi thu lợi bất chính là 2.849.315đ.

3. Đặng Thị L cho chị Đặng Thị Thu G vay lãi nặng như sau:

Ngày 30/8/2023, L cho chị G vay 10.000.000đ, lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày = 146% / năm, chị G để lại 01 Căn cước công dân và 01 thẻ đảng viên, khi vay có viết giấy vay tiền.

Chị G đã trả cho L tiền lãi là 01 tháng (30 ngày) = 1.200.000đ (trả đến ngày 30/9/2023). Số tiền lãi được thu tối đa $10.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 164.384\text{đ}$. Số tiền lãi thu vượt quy định là $1.200.000 \text{ đ} - 164.384 \text{ đ} = 1.035.616\text{đ}$. Chưa trả tiền gốc.

Số tiền lãi G phải trả L nhưng chưa trả (theo Nghị quyết số: 01 ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Tối Cao), tính từ ngày 01/10/2023 đến 31/10/2023 (Ngày bị Cơ quan điều tra phát hiện ngăn chặn tội phạm) là 31 ngày = 1.240.000đ. Số tiền lãi được thu tối đa là 169.863đ; số tiền lãi thu vượt

quy định là $1.240.000đ - 169.863đ = 1.070.137đ$. Chưa trả tiền gốc 10.000.000đ.

Tổng số tiền gốc G vay là 10.000.000đ. Tổng số tiền lãi đã trả và phải trả: 2.440.000đ (đã trả 1.200.000đ + chưa trả 1.240.000đ); tiền lãi được thu tối đa là 334.247đ (đã trả 164.384đ và chưa trả 169.863đ); tiền lãi thu lợi bất chính là 2.105.753đ (đã trả là 1.035.616đ và chưa trả là 1.070.137đ).

Truy thu của L gồm tiền lãi được thu tối đa G đã trả là 164.384đ và trả lại cho G tiền lãi thu lợi bất chính là 1.035.616đ. Truy thu của G tiền lãi phải trả nhưng chưa trả cho L là 169.863đ và truy thu tiền gốc cho vay 10.000.000đ;

4. Đặng Thị L cho anh Đinh Chí H vay lãi nặng như sau:

Ngày 22/8/2023, L cho anh H vay 50.000.000đ, lãi suất là $4.000đ/1.000.000đ/1 \text{ ngày} = 146 \% / \text{năm}$, anh H để lại 01 Căn cước công dân và 01 Bằng tốt nghiệp trung cấp, khi vay có viết giấy vay tiền.

Ngày 22/10/2023, anh H đã trả cho L tiền lãi là 02 tháng (60 ngày (trả đến ngày 22/10/2023) là 12.000.000đ. Ngày 18/10/2023, L đưa trả cho anh H 02 giấy tờ trên. Số tiền lãi được thu tối đa là $50.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 60 \text{ ngày} = 1.643.836đ$. Số tiền lãi thu vượt quy định là $12.000.000đ - 1.643.836đ = 10.356.164đ$. Chưa trả tiền gốc.

Số tiền lãi H phải trả nhưng chưa trả (Theo Nghị quyết số: 01 ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Tối Cao), tính từ 23/10/2023 đến 31/10/2023 (Ngày bị Cơ quan điều tra phát hiện ngăn chặn tội phạm) là $200.000đ \times 09 \text{ ngày} = 1.800.000đ$;

Số tiền lãi được thu tối đa là $50.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 09 \text{ ngày} = 246.575đ$. Số tiền lãi thu vượt quy định là $1.800.000đ - 246.575đ = 1.553.425đ$. Chưa trả tiền gốc 50.000.000đ.

Tổng số tiền gốc H vay là 50.000.000đ; Tổng số tiền lãi đã trả và phải trả: 13.800.000đ (đã trả 12.000.000đ + chưa trả 1.800.000đ), tiền lãi được thu tối đa là 1.890.411đ (đã trả 1.643.836đ + chưa trả 246.575đ); tiền lãi thu lợi bất chính = $13.800.000 - 1.890.411đ = 11.909.589đ$ (trong đó đã trả là 10.365.164đ và chưa trả 1.553.425đ).

Truy thu của H tiền gốc vay là 50.000.000đ và tiền lãi được thu tối đa phải trả là 246.575đ. Truy thu của L lãi được thu tối đa là 1.643.836đ và trả cho anh H tiền lãi thu lợi bất chính : 10.356.164đ.

Như vậy: Tổng số tiền gốc bị cáo Đặng Thị L đã cho 04 người vay là 185.000.000đ. Người vay đã trả gốc là 35.000.000đ và người vay chưa trả tiền gốc là 150.000.000đ. Tiền lãi được thu cao nhất theo quy định (20%/năm theo điều 468 Bộ luật dân sự) là 7.917.809đ. Tiền thu lợi bất chính (tiền lãi thu vượt quá 20%/năm quy định tại điều 468 của Bộ luật dân sự là 49.021.944đ (gồm tiền thu lợi bất chính đã thu là 42.973.972đ, tiền thu lợi bất chính chưa thu của người vay là 6.047.969đ).

* Đồ vật, tài liệu thu giữ khi kiểm tra:

- Thu giữ của Đặng Thị L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu vàng đã qua sử dụng, số Imel 1: 359236736316727; Imel 2: 359236739347646; được chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự chờ xử lý;

- Thu giữ 01 Căn cước công dân và 01 thẻ đảng viên của chị Đặng Thị Thu G; đã trả lại chị G.

- Thu giữ của Mai Công T: 04 tờ giấy A4 bản phô tô ảnh chụp màn hình điện thoại nội dung giao dịch chuyển khoản tiền gốc và lãi vay Đặng Thị L. Thu giữ của chị Trần Thị Thu H: 07 tờ giấy A4 bản phô tô nội dung giao dịch chuyển khoản giữa chị H và Đặng Thị L. Khám xét nhà ở của Đặng Thị L ngày 31/10/2023 thu giữ: 01 quyển sổ có bìa màu đỏ, đã qua sử dụng: bên trong có ghi nội dung: Giấy vay tiền ngày 22/8/2023 của Đinh Chí H; Giấy vay tiền ngày 30/8/2023 của Đặng Thị Thu G; Giấy vay tiền của Trần Thị Thu H ngày 20/7/2023 và 15/8/2023. Tất cả được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo Đặng Thị L đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên đã truy tố.

Tại Cáo trạng số: 37/CT - VKSPY ngày 20 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên truy tố bị cáo Đặng Thị L về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử; Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Đặng Thị L từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo;

Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự; phạt bổ sung bị cáo Đặng Thị L từ 35.000.000đồng đến 40.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước;

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đề nghị tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax đã qua sử dụng của Đặng Thị L, vì có L quan đến hành vi phạm tội;

- Truy thu của Đặng Thị L tổng số tiền 41.926.027đồng, trong đó bao gồm: 35.000.000đồng là tiền gốc người vay đã trả và tiền lãi tối đa được hưởng theo quy định là 6.926.027đồng.

Đặng Thị L phải trả lại cho người vay số tiền thu lời bất chính cho Trần Thị Thu H là 28.732.877đ; anh Mai Công T là 2.849.315đ; anh Đinh Chí H là 10.356.164đ và chị Đặng Thị Thu G là 1.035.616đ.

- Truy thu những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền còn lại chưa trả bị cáo; chị Trần Thị Thu H là

90.000.000đ; chị Đặng Thị Thu G là 10.000.000đ và anh Đinh Chí H là 50.000.000đ. Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền lãi được thu tối đa mà những người vay chưa trả bị cáo gồm: Chị Trần Thị Thu H là 575.343đ; Đặng Thị Thu G là 169.863đ và anh Đinh Chí H là 246.575đ. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đối với hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo Đặng Thị L đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Biên bản làm việc, Biên bản niêm phong, biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu; Biên bản khám xét, Biên bản kiểm tra điện thoại di động cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Từ khoảng tháng 5 năm 2023 đến tháng 10 năm 2023, tại phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; Đặng Thị L đã có hành vi cho 04 người vay lãi nặng bằng hình thức vay lãi ngày với lãi suất thấp nhất là 121,6%, cao nhất là 182,5%. Với tổng số tiền cho vay là 185.000.000đồng; tổng tiền lãi là 56.939.749đồng; trong đó lãi hợp pháp là 7.917.808đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 49.021.941đồng (Bốn mươi chín triệu không trăm hai mươi một nghìn chín trăm bốn một đồng);

[3] Hành vi của Đặng Thị L là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương. Do vậy cần phải đưa ra để xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Đặng Thị L phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính từ 30.000.000đ đến dưới 100.000.000đ ... thì bị phạt tiền từ 50.000.000đ đến 200.000.000đ hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”.

[4] Xét nhân thân của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo Đặng Thị L trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Nên cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ như mức đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...”

Giao dịch cho vay của bị cáo với 04 người vay với lãi suất gấp hơn 5 lần mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là giao dịch trái pháp luật. Nên toàn bộ số tiền gốc cho vay bị cáo L đã nhận là 35.000.000đồng là phương tiện phạm tội và số tiền lãi trong hạn quy định của pháp luật bị cáo đã nhận 6.926.027đồng cần phải truy thu của bị cáo để sung quỹ Nhà Nước.

Số tiền lãi vượt quá quy định bị cáo đã thu của 04 người; buộc Đặng Thị L phải trả cho chị Trần Thị Thu H là 28.732.877đ (L đã trả cho chị H ngày 23/4/2024); anh Mai Công T là 2.849.315đ; anh Đinh Chí H là 10.356.164đ và chị Đặng Thị Thu G là 1.035.616đ (L đã trả cho chị G ngày 23/4/2024)

- Truy thu nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền gốc mà 04 người vay chưa trả cho bị cáo L là 150.000.000đồng. Trong đó của chị Trần Thị Thu H là 90.000.000đ; chị Đặng Thị Thu G là 10.000.000đ và anh Đinh Chí H là 50.000.000đ.

- Truy thu tiền lãi được thu tối đa mà những người vay chưa trả cho bị cáo gồm: Chị Trần Thị Thu H là 575.343đ; Đặng Thị Thu G là 169.863đ và anh Đinh Chí H là 246.575đ.

[6] Đối với chồng bị cáo là anh Trần Hoàng H không biết và không có L quan đến hoạt động cho vay lãi nặng của bị cáo L, nên không đề cập xử lý là phù hợp;

[7] Về xử lý vật chứng:

Cần tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước của bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax đã qua sử dụng, vì có L quan đến hành vi phạm tội;

[8] Vì bị cáo làm nghề tự do, không có thu nhập ổn định. Nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ là phù hợp;

[9] Về hình phạt bổ sung: Cần phạt bổ sung bị cáo L từ 35.000.000đồng đến 40.000.000đ để sung công quỹ Nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị L phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

*Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Thị L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Phúc Yên nhận được quyết định thi hành án và Bản sao bản án.

Giao bị cáo Đặng Thị L cho UBND phường Xuân Hòa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo L có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Xuân Hòa trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

*Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự; phạt bổ sung bị cáo Đặng Thị L 35.000.000đồng (Ba mươi năm triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

*Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu của bị cáo Đặng Thị L tổng số tiền 41.926.027đồng (Trong đó tiền gốc người vay đã trả là 35.000.000đ và tiền lãi thu tối đa mà bị cáo đã nhận là 6.926.027đ). Bị cáo đã nộp số tiền trên theo phiếu thu số: 0001798 ngày 23/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Truy thu nộp sung công quỹ Nhà nước của chị Trần Thị Thu H là 90.000.000đồng (Chín mươi triệu đồng); chị Đặng Thị Thu G là 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) và anh Đinh Chí H là 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng);

- Buộc bị cáo Đặng Thị L phải trả số tiền lãi đã thu vượt quy định cho anh Mai Công T là 2.849.315đồng và anh Đinh Chí H là 10.356.164đồng;

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền lãi được thu tối đa, mà những người vay chưa trả bị cáo gồm: Chị Trần Thị Thu H là 575.343đồng; Đặng Thị Thu G là 169.863đồng và anh Đinh Chí H là 246.575đồng.

- Tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước của bị cáo Đặng Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu vàng đã cũ, qua sử dụng;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Phúc Yên với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên lập ngày 08/4/2024);

*Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Đặng Thị L phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên;
- Cơ quan THA hình sự Công an thành phố Phúc Yên;
- Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc ;
- UBND phường Xuân Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

LƯU THỊ THÚY